TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ LỘC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2023
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Như Huấn.

2. Ông Trần Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định *tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Thu Trang, là Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị D, sinh năm 1995.

2. Bị đơn: anh Bùi Công N, sinh năm 1991.

Cùng nơi cư trú: thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị D và anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị D và anh Bùi Công N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng

xảy ra nhiều mâu thuẫn không hạnh phúc, hai người đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017, không còn quan tâm đến nhau nữa. Do vậy, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Giữa chị D và anh N có hai con chưa thành niên tên là Bùi Công H, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2014 và Bùi Bảo T, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2016. Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Về cấp dưỡng cho con, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Giữa chị D và anh N không có tài sản chung. Các vấn đề khác chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Công N, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng anh N không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị D, cho chị D ly hôn anh N. Về nuôi con: Giao hai con tên là Bùi Công H, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2014 và Bùi Bảo T, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2016 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh N.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị D và anh N kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống giữa hai người không hạnh phúc và đã sống ly thân, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có hành động nào để hàn gắn mối quan hệ với chị D. Xét thấy, chị D và anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị D ly hôn anh N là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Chị D trình bày giữa chị và anh N có hai con chung chưa thành niên tên là Bùi Công H và Bùi Bảo T. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo gọi anh N đến Tòa án làm việc, để thể hiện quan điểm của mình nhưng anh N không đến Tòa án và không có ý kiến gì về việc nuôi con. Chị D là lao động tự do, thu nhập hằng tháng theo lời khai của chị là từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con. Xem xét nguyện vọng của các con thì hai cháu muốn ở với mẹ. Căn cứ quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình hai con sẽ được giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: Chị D không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị D trình bày là không có tài sản chung, các vấn đề khác không đề nghị giải quyết. Anh N vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết tài sản, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Chị D có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh N có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các khoản 1 và 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị D ly hôn anh Bùi Công N.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng hai con tên là Bùi Công H, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2014 và Bùi Bảo T, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2016 cho đến khi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: không giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con và trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Duyên đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, theo biên lai số: 0004061 ngày 16 tháng 11 năm 2022, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị D và anh N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện L;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường